

Hà Nội, ngày 4 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

VV Quy định đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

Căn cứ Quyết định số 1535 /TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đại Nam;

Căn cứ quyết định số 63/2011/QĐ-TTg ngày 10/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/4/2009;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo về việc đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Đại Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành theo Quyết định này quy định đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Đại Nam.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2015 - 2016.

Điều 3: Trường các Khoa, Phòng và các đơn vị liên quan thuộc trường Đại học Đại Nam và các sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu HC, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Phan Trọng Phúc

QUY ĐỊNH

Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ

Trường Đại học Đại Nam

(Ban hành tại Quyết định số 03./QĐ-ĐHĐN

Ngày...4... tháng ..01... năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đại Nam)

Chương I

Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Đại Nam, bao gồm các nội dung về: Tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên Trường Đại học Đại Nam hệ chính quy trình độ Đại học và Cao đẳng.

Điều 2. Chương trình giáo dục Đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần và ngành học.

2. Hiệu trưởng Trường Đại học Đại Nam ký ban hành các chương trình để triển khai thực hiện trong trường.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Các học phần có khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bổ đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu theo quy định riêng của Trường Đại học Đại Nam.

Có hai loại học phần: Học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

2. Tín chỉ là một đơn vị quy chuẩn dùng để lượng hóa khối lượng kiến thức và khối lượng học tập, giảng dạy trong chương trình đào tạo, được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên.

Một tín chỉ được quy định bằng:

- 15 tiết học lý thuyết;
- 30 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận;
- 45 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết, thảo luận, phụ đạo, hoặc thực hành, thí nghiệm, ngoài số tiết học trên lớp sinh viên còn cần được giao thêm công việc chuẩn bị ở nhà, để bảo đảm cho mỗi tín chỉ lý thuyết phải có ít nhất 45 tiết chuẩn bị ở nhà. Những công việc này phải được liệt kê cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần.

Số tiết, số giờ đối với từng học phần cụ thể do Trường khoa đề nghị, Hiệu trưởng quyết định và được ghi trong chương trình, đề cương chi tiết học phần và trong Sổ tay sinh viên.

3. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 7 giờ đến 21 giờ hàng ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần. Trường Phòng Đào tạo sắp xếp thời khoá biểu cho toàn trường căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên được chấp nhận đăng ký học cho mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên được chấp nhận đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học là điểm trung bình có trọng số của các học phần đó được chấp nhận đăng ký học tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

4. Tổng số tín chỉ của những học phần bị điểm dưới 5 tính từ đầu khóa học.

Điều 6. Hệ thống cố vấn học tập

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hệ thống cố vấn học tập của Trường Đại học Đại Nam để bảo đảm công tác tư vấn và quản lý cho tất cả sinh viên trong trường.

Chương II

Tổ chức đào tạo

Điều 7. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Đại Nam tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học tại Trường Đại học Đại Nam được quy định như sau:

Đào tạo trình độ Đại học được thực hiện 4 hoặc 5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; 2,5 hoặc 3 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; 1,5 hoặc 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Tùy điều kiện cụ thể và theo nguyện vọng của sinh viên Trường có thể tổ chức thêm kỳ học Hè để tạo điều kiện cho sinh viên được học lại, học bù hoặc học vượt. Kỳ học Hè có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Trường Đại học Đại Nam tổ chức tuyển sinh theo học kỳ chính. Một năm có từ một đến hai đợt tuyển sinh tùy theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và tình hình tuyển sinh của Trường.

3. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Trường Phòng Đào tạo dự kiến cân đối số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

4. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình nhiều gấp đôi thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này.

Điều 8. Đăng ký nhập học

1. Khi vào học hệ chính quy sinh viên phải nộp cho Nhà trường các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ trên phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do Nhà trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Trường và cấp cho họ:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Phiếu đăng ký học tập;

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và dự kiến kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 9. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Trường Đại học Đại Nam xác định điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo trong đợt tuyển sinh.

2. Căn cứ vào số học phần cốt lõi có trong mỗi chương trình, Phòng Đào tạo sắp xếp sinh viên trúng tuyển vào các lớp học ổn định và cấp phiếu cố vấn học tập.

Điều 10. Tổ chức lớp học

Lớp học của sinh viên được tổ chức dưới hai hình thức:

- Lớp hành chính được tổ chức gồm các sinh viên có cùng chuyên ngành đào tạo, theo khóa tuyển sinh và được duy trì trong cả khóa học.

- Lớp học phần được tổ chức cho từng học phần, dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp được quy định như sau:

+ 60 – 70 sinh viên cho một lớp cơ bản

+ 120 – 140 sinh viên đối với các học phần Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

+ 30 – 35 sinh viên đối với những học phần thực hành, kỹ năng và ngoại ngữ.

Khi số sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định, trừ trường hợp có quyết định của Hiệu trưởng, lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên có thể đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp.

Điều 11. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, hình thức kiểm tra và thi đối với từng học phần.

2. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ để bảo đảm duy trì đúng tiến độ của khóa học tối thiểu là 15 tín chỉ, tối đa là 20 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khóa học.

3. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và tiến trình học tập của mỗi chương trình cụ thể.

4. Phòng Đào tạo của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ được ghi vào biểu đăng ký học tập do Phòng đào tạo của trường lưu giữ.

Điều 12. Đăng ký học lại hoặc học đổi khi có kết quả kém

1. Sinh viên có điểm học phần dưới 5 phải đăng ký học lại học phần đó tại các lớp học ổn định khác trong các học kỳ tiếp theo hoặc đăng ký học các lớp thuộc học kỳ Hè theo thông báo của Phòng Đào tạo.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm dưới 5 phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm 5 để cải thiện điểm trung bình chung tính từ đầu khóa học.

4. Điểm của học phần cũ bị hủy khi đó có điểm học phần mới thay thế.

5. Thủ tục đăng ký học, số lần đánh giá bộ phận và thi kết thúc học phần đối với học phần học lại cũng giống như đối với một học phần mới.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi Trưởng khoa trong vòng 1 tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế địa phương, hoặc của bệnh viện.

Điều 14. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng tiến độ học hoặc bị buộc thôi học

Trước khi vào học kỳ mới, Nhà trường căn cứ vào số học phần được học, điểm trung bình chung học tập của học kỳ đã qua và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học để xét việc học tiếp, việc nghỉ học tạm thời, việc tạm ngừng tiến độ học hoặc bị buộc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở kỳ học Hè (nếu có) được tính chung vào kết quả học tập của học kỳ kế trước.

1. Sinh viên được học tiếp lên học kỳ sau nếu có đủ các điều kiện dưới đây:

a) Có điểm trung bình chung học tập của học kỳ từ 5,00 trở lên;

b) Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5 tính từ đầu khóa học không quá 18 tín chỉ;

2. Sinh viên được quyền gửi đơn tới Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và phải đạt điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học không dưới 5,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức tại trường như quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy định này.

Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải gửi đơn tới Hiệu trưởng ít nhất 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. Đơn phải có xác nhận của chính quyền địa phương.

3. Sinh viên không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 của Điều này phải tạm ngừng tiến độ học để học theo tiến độ riêng.

4. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học tập của học kỳ dưới 2.50;

b) Có điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học dưới 3,00 sau 2 học kỳ; dưới 3,30 sau 3 học kỳ; dưới 3,60 sau 4 học kỳ; dưới 3,90 sau 5 học kỳ; dưới 4,20 sau 6 học kỳ và dưới 4,50 sau từ 7 học kỳ trở lên;

c) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại Trường theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy định này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 5 của Điều 26 của Quy định này;

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 15. Học theo tiến độ khác với tiến độ học chung của Nhà trường và học cùng lúc hai chương trình

1. Học theo tiến độ chậm:

a) Sinh viên học theo tiến độ chậm là sinh viên có nhu cầu học chậm so với tiến độ chung của khóa học cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của mình.

b) Các quy định học theo tiến độ chậm:

- Khối lượng học phần tạm rút trong mỗi học kỳ (so với khối lượng học tập tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 11) không được vượt quá 6 tín chỉ và chủ yếu thuộc vào nhóm học phần không cốt lõi;

- Điều kiện để được học tiếp, tạm ngừng tiến độ học hoặc bị buộc thôi học đối với các sinh viên học theo tiến độ chậm được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 14 của Quy định này;

- Thời gian cho toàn khóa học đối với các sinh viên học theo tiến độ chậm không được vượt quá thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học theo tiến độ bình thường quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy định này;

- Những sinh viên học theo tiến độ chậm ở học kỳ nào thì không được hưởng chính sách học bổng và các chế độ thi đua, khen thưởng ở học kỳ đó.

2. Học theo tiến độ nhanh:

a) Sinh viên học theo tiến độ nhanh là sinh viên có nhu cầu học nhanh hơn so với tiến độ chung của khóa học để hoàn thành sớm khóa học.

b) Các quy định học theo tiến độ nhanh:

- Chỉ được thực hiện đối với những sinh viên đã học xong học kỳ thứ nhất;

- Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học, không học theo tiến độ chậm và có điểm trung bình chung học tập tính từ đầu khóa học $\geq 6,50$.

- Sinh viên đang được phép học vượt, nhưng nếu có điểm trung bình chung học tập của học kỳ $\leq 6,00$ thì phải dừng học vượt ở học kỳ tiếp theo.

- Sinh viên học vượt được rút ngắn thời gian học ở trường so với thời gian thiết kế cho toàn khóa học nhưng không được quá một học kỳ đối với chương trình cao đẳng 3 năm và không quá hai học kỳ đối với các chương trình đại học 4 và 5 năm;

3. Học cùng lúc hai chương trình:

a) Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một số học phần của một chương trình thứ hai tại trường đang học để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

b) Các quy định học cùng lúc hai chương trình:

- Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác với ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.

- Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm trung bình chung học tập học kỳ đạt 6,50 trở lên.

- Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai nếu có điểm trung bình chung học tập của học kỳ đó (cho cả hai chương trình) đạt dưới 6,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

- Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên đăng ký học đồng thời hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

- Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 16. Tiếp nhận sinh viên chuyển trường

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xét chuyển vào Trường Đại học Đại Nam nếu thoả mãn các điều kiện sau đây:

a) Cùng trình độ (hoặc cao hơn) và cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo tại Trường Đại học Đại Nam;

b) Được Hiệu trưởng trường xin chuyển đi chấp nhận;

c) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển đến Trường Đại học Đại Nam trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Đại Nam theo kết quả kỳ thi THPT hoặc theo điểm xét tuyển học bạ THPT nhưng không trúng tuyển.

b) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

c) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Trường Đại học Đại Nam.

b) Trường Phòng Đào tạo tiếp nhận hồ sơ trình Hiệu trưởng Trường Đại học Đại Nam xét duyệt quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình hiện tại của Trường Đại học Đại Nam.

Chương III

Kiểm tra và thi học phần

Điều 17. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm kiểm tra (Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá phần thực hành; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận; điểm đánh giá công việc thực hiện tại nhà, điểm làm bài tập...). Trọng số của điểm kiểm tra trong điểm học phần là 0.3 (Riêng các môn lý luận chính trị; các môn có bài tập lớn; viết tiểu luận; bài tập thực hành; kỹ năng mềm thì trọng số là 0.4; trường hợp đặc biệt có quyết định của Hiệu trưởng).

- Điểm chuyên cần (Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập, làm bài tập, thí nghiệm, thực hành...). Trọng số điểm chuyên cần là 0.1

- Điểm Thi kết thúc học phần; điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số 0.6 (hoặc 0.5) của điểm học phần.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do Trường Khoa đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Trung bình cộng của các điểm thực hành trong học kỳ, được làm tròn đến 0.5 sau dấu phẩy 1 chữ, là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên giảng dạy học phần chịu trách nhiệm về việc tổ chức, chấm, trả bài kiểm tra, điểm chuyên cần, công bố điểm và giải đáp thắc mắc (nếu có) của sinh viên trước khi kết thúc học phần. Sinh viên không tham dự kiểm tra mà không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 (Nếu có lý do chính đáng và có đủ minh chứng đúng quy định, được giảng viên tổ chức kiểm tra bổ sung, việc kiểm tra bổ sung phải được thực hiện trước khi kỳ thi kết thúc học phần diễn ra).

4. Số bài kiểm tra được quy định tương ứng với số tín chỉ như sau:

+ Những học phần 2 tín chỉ: 1 bài kiểm tra

+ Những học phần 3 tín chỉ: 2 bài kiểm tra

+ Những học phần 4, 5 tín chỉ: 3 bài kiểm tra

5. Điểm kiểm tra và điểm chuyên cần giảng viên phải nộp về khoa quản lý học phần trước khi kết thúc học phần 1 tuần lễ, Trưởng khoa quản lý học phần có trách nhiệm ký xác nhận bảng điểm. Giáo vụ khoa quản lý học phần có trách nhiệm nhập điểm vào phần mềm quản lý điểm và photo thành 3 bản: Lưu tại khoa 1 bản, gửi về Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng 1 bản, chuyển khoa chuyên ngành 1 bản và nộp bản gốc về phòng Đào tạo trước ngày thi của học phần đó 5 ngày.

Điều 18. Thi kết thúc học phần

1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Trước khi kết thúc học phần 1 tuần lễ, giảng viên phải lập danh sách sinh viên không đủ điều kiện dự thi, thông báo cho sinh viên và gửi danh sách về khoa quản lý học phần. Trưởng khoa ký xác nhận và nộp danh sách về Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng.

• Sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần khi:

- Chấp hành nghiêm các quy định và nội quy học tập của nhà trường.
- Có mặt ở lớp ít nhất 80% thời gian quy định của học phần.
- Có đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ, bài tập, tiểu luận... đã được quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Tham dự đầy đủ 100% các giờ thực hành theo quy định của học phần
- Đã hoàn thành học phí của học kỳ đó trước ngày thi môn đầu tiên 7 ngày (trường hợp đặc biệt phải có đơn và được Hiệu trưởng đồng ý).

• **Sinh viên không được dự thi lần 1 khi:**

- Thiếu 1 trong các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ, tiểu luận, bài tập... theo quy định.
- Hoặc có mặt trên lớp không đủ 80% thời gian quy định của học phần.

• **Sinh viên phải học lại khi**

- Không đủ điều kiện dự thi cả 2 lần
- Có điểm học phần < 5 (sau khi đã hết quyền được thi)

2. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

Cuối học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ (thi lần 2) để thi kết thúc học phần.

- Kế hoạch kỳ thi chính được Phòng Đào tạo xây dựng trình Ban Giám hiệu phê duyệt, trên cơ sở đó Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng tổ chức thực hiện. Kế hoạch kỳ thi chính được thông báo cho các đơn vị để phối hợp thực hiện và dán bảng tin để sinh viên được biết.

- Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên đủ điều kiện dự thi nhưng không tham dự kỳ thi chính hoặc có điểm thi học phần dưới 5 ở kỳ thi chính hoặc sinh viên không đủ điều kiện dự thi lần 1.

- Đối với các hình thi thi viết, mỗi phòng thi phải có 2 cán bộ coi thi. Sinh viên ngồi theo số báo danh. Đối với các học phần thi theo hình thức trắc nghiệm máy, phải bố trí 3 cán bộ coi thi, trong đó có 1 cán bộ IT hoặc cán bộ Khảo thí chịu trách nhiệm về máy móc.

3. Thi nâng điểm

- Sinh viên được phép thi nâng điểm tất cả các học phần có tên trong lịch thi chung của nhà trường, nếu ngày thi không trùng với ngày thi của các học phần trong kỳ chính khóa.

- Sinh viên đã kết thúc khoá học không được thi nâng điểm.

- Sinh viên thi nâng điểm phải nộp đơn và biên lai lệ phí về Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng trước kỳ thi 3 ngày.

Điều 19. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình và trong đề cương chi tiết học phần. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, trắc nghiệm máy tính, thực hành máy tính, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Trong trường hợp cần thay đổi hình thức thi khác phải đề xuất trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng có trách nhiệm quản lý, bảo mật đề thi theo quy định, trước khi báo cáo Ban Giám hiệu lựa chọn đề thi và ký duyệt bảo vệ.

3. Các học phần được tổ chức theo hình thức thi Viết hoặc Trắc nghiệm, thời gian làm bài thi kết thúc học phần:

- Học phần 2 tín chỉ: 60 phút;
- Học phần 3 tín chỉ: 90 phút;
- Học phần 4, 5 tín chỉ: 120 phút

4. Sau khi thi bài thi được lưu tại Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, cán bộ phòng cùng giáo vụ khoa phụ trách học phần đánh số phách, rọc phách và mời giáo viên chấm tại trường. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Nếu thi theo hình thức thi vấn đáp thì điểm thi phải được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và Trưởng khoa quản lý học phần, bảng điểm được photo, dán công khai tại bảng tin đào tạo của nhà trường và cũng được lưu tại 4 bộ phận giống như điểm giữa kỳ: Khoa quản lý học phần, Khoa chuyên ngành, Phòng Khảo thí và Phòng Đào tạo.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi chính kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng, phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này được dự thi một lần ở kỳ thi phụ sau đó.

Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính phải nộp đơn cùng các giấy tờ liên quan về Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng chậm nhất 3 ngày trước ngày thi (trong trường hợp bất khả kháng: ốm đau, tai nạn... phải nộp sau 3 ngày sau khi kỳ thi chính kết thúc), nếu được Trưởng phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng chấp thuận, sinh viên được dự một lần ở kỳ thi phụ; điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần 1. Nếu thi không đạt trong kỳ thi phụ thì những sinh viên này sẽ phải học lại.

6. Chấm phúc tra: Nếu sinh viên có nguyện vọng chấm phúc tra thì phải làm đơn đề nghị gửi Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng cùng biên lai lệ phí theo quy định trong vòng 3 ngày kể từ ngày công bố kết quả.

Khoa quản lý học phần chịu trách nhiệm chỉ định 2 giáo viên không chấm thi lần 1 chấm lại. Biên bản chấm phúc tra phải được Trưởng khoa ký duyệt và chịu trách nhiệm về kết quả đó. Điểm phúc tra là điểm cuối cùng của học phần.

7. Thời gian công bố kết quả sau khi thi 10 ngày.

Điều 20. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5 điểm.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo công thức.

$$\text{Điểm học phần} = \text{Trung bình cộng điểm Kiểm tra} \times 0.3 \text{ (0.4)} + \text{điểm Chuyên cần} \times 0.1 + \text{điểm Thi kết thúc học phần} \times 0.6 \text{ (0.5)}$$

Điểm học phần được xếp loại:

Xếp loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
		Điểm số	Điểm chữ
Đạt	10	4,00	A ⁺
	9.5	3,75	
	9,0	3,50	
	8.5	3,25	A
	8,0	3,00	B ⁺
	7,5	2,75	B
	7,0	2,50	
	6,5	2,25	C ⁺

	6,0	2,00	C
	5,5	1,75	
	5,0	1,50	
Không đạt	Dưới 5	1,25	F

Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

3. Việc xếp loại các mức điểm số (từ 0 đến 10) được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp điểm X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm 0 ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm 0.

5. Việc xếp loại điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trường khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trường khoa chấp thuận.

Trừ trường hợp a, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển thành điểm số. Nếu không hoàn thành sinh viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu.

6. Việc xếp loại điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên. Điểm này cần phải được chuyển thành điểm số trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 21. Cách tính điểm trung bình chung

Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học và điểm trung bình chung toàn khóa học được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học hoặc điểm trung bình chung khóa học
- a_i là điểm của học phần thứ i
- n_i là số tín chỉ của học phần thứ i
- n là tổng số học phần.

Chương IV

Xét và công nhận tốt nghiệp

Điều 22. Làm khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm khoá luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đạt mức yêu cầu do từng khoa đề nghị. Khoá luận tốt nghiệp được xem là học phần có khối lượng không quá 5 tín chỉ cho chương trình cao đẳng, 10 tín chỉ cho chương trình đại học 4 năm và 15 tín chỉ cho chương trình đại học 5 năm .

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: Sinh viên không được giao làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn sâu theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể trong một văn bản riêng về:

- a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp;
- b) Hình thức và thời gian làm khoá luận tốt nghiệp;
- c) Hình thức chấm khoá luận tốt nghiệp;
- d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm khoá luận tốt nghiệp.

Điều 23. Chấm khoá luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm khoá luận tốt nghiệp do các Khoa đề nghị, Phòng đào tạo tổng hợp. Việc chấm mỗi khóa luận tốt nghiệp phải do 2 giảng viên đảm nhiệm, trong đó có một người là giảng viên hướng dẫn.

2. Điểm của khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 làm tròn theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 20 của Quy định này. Kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp khóa luận tốt nghiệp. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung của toàn khóa học.

3. Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm dưới 5 không được đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp mà phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn sâu để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn sâu học thêm tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp.

Điều 24. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được Phòng Đào tạo đề nghị được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Học đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo, không có học phần bị điểm dưới 5;

c) Có điểm học phần điều kiện tốt nghiệp Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác ≥ 5 (thang điểm 10); ≥ 1.5 (thang điểm 4); D⁺ trở lên (thang điểm chữ).

d) Đạt chuẩn điểm đầu ra TOEIC theo quy định của Trường Đại học Đại Nam.

e) Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng Phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng Khoa chuyên môn, Trưởng Phòng Công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 25 Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

Xếp loại	Điểm TBC tích lũy	
	Thang điểm 10	Thang điểm 4
Loại Xuất sắc	Từ 9,00 đến 10	Từ 3,50 đến 4,00
Loại Giỏi	Từ 8,00 đến 8,99	Từ 3,00 đến 3,49
Loại Khá	Từ 7,00 đến 7,99	Từ 2,50 đến 2,99
Loại Trung bình Khá	Từ 6,00 đến 6,99	Từ 2,00 đến 2,49
Loại Trung bình	Từ 5,00 đến 5,99	Từ 1,50 đến 1,99

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại hoặc học đổi vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ, nếu có.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 24 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo chính khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về Trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận của Trường về các học phần đã học trong chương trình.

Chương V

Xử lý vi phạm

Điều 26. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Sinh viên phải thực hiện đúng lịch của Trường đã thông báo, phải có mặt đúng giờ theo quy định của lịch thi. Nếu đến muộn quá 15 phút sau khi đã bóc đề sẽ không được dự thi và nhận điểm 0.

- Khi đi thi sinh viên phải có thẻ sinh viên mới được vào phòng thi. Phải tuyệt đối phục tùng sự hướng dẫn của cán bộ coi thi.

- Bài thi phải được làm trên giấy quy định thống nhất của nhà trường. Bài thi chỉ sử dụng bút mực, bút bi màu xanh, đen, tím (trừ bút chì kẻ, vẽ); máy tính không có thể nhớ và soạn thảo được văn bản; phải có đầy đủ chữ ký của 2 cán bộ coi thi vào tờ giấy thi.

2. Hình thức khiển trách áp dụng đối với sinh viên phạm lỗi: Nhìn bài, trao đổi, thảo luận với người khác. Sinh viên bị khiển trách ở buổi thi học phần nào sẽ bị trừ 25% số điểm của học phần đó.

3. Hình thức cảnh cáo áp dụng khi sinh viên phạm 1 trong các lỗi sau

- Đã bị khiển trách 1 lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong buổi thi đó
- Trao đổi giấy nháp cho nhau nhưng chưa sử dụng (xử lý cả 2)
- Chép bài của người khác hoặc để người khác chép bài của mình
- Không phục tùng sự quản lý, giám sát, nhắc nhở của cán bộ coi thi hoặc có thái độ vô lễ với cán bộ coi thi.

Sinh viên bị cảnh cáo ở học phần nào sẽ bị trừ 50% số điểm thi của học phần đó, sinh viên bị cảnh cáo 2 lần trong năm sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn trường.

4. Hình thức đình chỉ áp dụng đối với sinh viên phạm 1 trong các lỗi.

- Đã bị cảnh cáo 1 lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong buổi thi
- Sau khi mở đề thi bị phát vẫn còn mang theo người (hoặc nơi ngồi của mình): Tài liệu, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm
- Sử dụng giấy nháp hoặc làm bài của người khác (Xử lý cả 2)
- Đưa bài thi ra ngoài hoặc nhận bài từ ngoài vào phòng thi
- Có hành động gây sự hoặc đe dọa cán bộ coi thi, cán bộ có trách nhiệm trong kỳ thi hoặc đối với sinh viên khác.

Sinh viên bị đình chỉ thi ở học phần nào sẽ bị nhận điểm 0 của học phần đó, sinh viên bị đình chỉ 2 lần trong 1 năm sẽ bị đình chỉ 1 năm sau đó. Nếu còn tái phạm sẽ bị buộc thôi học.

5. Xử lý thi hộ áp dụng đối với cả người thi hộ và người nhờ thi hộ:

- Vi phạm lần thứ 1:

+ Người nhờ thi hộ: nhận điểm 0 của học phần đó và đình chỉ học tập 1 năm

+ Người thi hộ: Đình chỉ 1 năm (nếu học tại Trường ĐH Đại Nam) hoặc thông báo về Trường/Cơ quan/Địa phương/Gia đình (nếu không học tại Trường ĐH Đại Nam)

- Vi phạm lần thứ 2: Buộc thôi học

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2015 – 2016 và được áp dụng đối với sinh viên theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đại Nam.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị cá nhân có liên quan cần phản ánh kịp thời về Phòng Đào tạo để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Phan Trọng Phúc